

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

KHÔI CƠ QUAN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2025 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung	Chức vụ, đơn vị công tác	Ngày tháng năm sinh	Thời điểm nghỉ hưu trước tuổi	Tuổi khi giải quyết nghỉ chế độ	Thời điểm nghỉ hưu theo quy định	Tuổi nghỉ hưu theo quy định	Số năm, tháng nghỉ hưu trước tuổi (năm, tháng)	Thời gian đóng BHXH theo số BHXH		Tiền lương tháng hiện hưởng (tháng trước liền kề tháng nghỉ hưu)								Các khoản kinh phí thực hiện (đơn vị tính: Việt Nam đồng)					Lý do nghỉ	Ghi chú		
									Tổng số (năm, tháng)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi theo nghề	Phụ cấp trách nhiệm m theo nghề	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp công tác đặc, biệt, đoàn thể chính trị, xã hội	Tiền lương tháng hiện hưởng (DVT: VND)	Trợ cấp hưu trí một lần cho số tháng nghỉ sớm	Trợ cấp cho số năm nghỉ sớm (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)	Trợ cấp 4 tháng tiền lương hiện hưởng đối với 15 năm đầu công tác có đóng BHXH bắt buộc	Trợ cấp 0,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho số năm từ năm thứ 16 trở đi có đóng BHXH bắt buộc (từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 0,5 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm)			Tổng trợ cấp theo Nghị định số 178/2024/ND-CP và Nghị định số 67/2025/ND-CP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
TỔNG CỘNG:																				1.589.899.704	732.040.560	143.358.112	335.330.162	2.800.628.538			
A Viên chức nghỉ hưu trước tuổi (theo quy định tại Điều 2 và Điều 7 Nghị định số 178/2024/ND-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 67/2025/ND-CP)																				1.589.899.704	732.040.560	143.358.112	335.330.162	2.800.628.538			
I	Trưởng Chính trị																			1.278.799.704	594.790.560	118.958.112	304.830.162	2.297.378.538			
I	Trần Hoài Sơn	Phó Hiệu trưởng trường Chính trị tỉnh	07/03/1967	01/09/2025	58 tuổi 5 tháng	01/04/2029	62 tuổi	3 năm 7 tháng	35 năm 5 tháng		6,44	0,7		2,4	3,213					29.739.528	1.278.799.704	594.790.560	118.958.112	304.830.162	2.297.378.538	Không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vì lớn tuổi, sức khỏe không đảm bảo (còn dưới 5 năm đến tuổi nghỉ hưu) (Theo Kết luận số 02-KL/TCT ngày 28/8/2025 của Ban giám hiệu Trường Chính trị tỉnh)	Công văn số 392-/BTCTU ngày 30/9/2025
II	Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai																			311.100.000	137.250.000	24.400.000	30.500.000	503.250.000			
	Nguyễn Thị Thu Hồng	Nhân viên tạp vụ Báo và phát thanh, truyền hình Gia Lai	10/10/1971	01/08/2025	53 tuổi 9 tháng	01/11/2029	58 tuổi	4 năm 3 tháng	24 năm 7 tháng											6.100.000	311.100.000	137.250.000	24.400.000	30.500.000	503.250.000	Không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vì lớn tuổi, còn 4 năm 3 tháng đến tuổi nghỉ hưu, không phát sinh hợp đồng lao động khi đồng chí Hồng nghỉ (Theo Công văn số 94a-CV/BPTTHGL ngày 11/8/2025 của cơ quan Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai)	Công văn số 392-/BTCTU ngày 30/9/2025

Tổng cộng: 02 người./.